

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 782/2024/HS-PT

Ngày: 21/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Lý - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 912/2024/TLPT-HS ngày 09 tháng 8 năm 2024 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2024/HSST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Nguyễn Ngọc T, tên gọi khác: Không; sinh năm 1984, tại Cao Bằng;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số E, tổ B, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1953 và bà Vũ Thị M sinh năm 1955; có vợ Nguyễn Thị Phương T1, sinh năm 1988 và 01 con, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

*** Ngoài ra trong vụ án còn có:** Bị hại là Tổng Công ty Cổ phần B nhưng không kháng cáo, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc T là nhân viên của Công ty B1 thuộc Tổng Công ty cổ phần B từ năm 2020, theo hợp đồng không xác định thời hạn với Tổng công ty. Chúc

năng, nhiệm vụ chính của Nguyễn Ngọc T là phụ trách giám định bồi thường; cụ thể là tiếp nhận thông tin tai nạn, hướng dẫn khách hàng khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra, giám định thiệt hại, lập hồ sơ và lên phương án sửa chữa hợp lý theo giá sửa chữa chung trên địa bàn tỉnh Cao Bằng để trình Công ty duyệt giá, thực hiện bồi thường. Ngoài ra, nhân viên giám định bồi thường cũng có thể bán bảo hiểm vật chất xe ô tô và bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc xe cơ giới. Từ tháng 8/2021 đến hết năm 2022, với phương thức trực tiếp bán hoặc nhờ đồng nghiệp viết ấn chỉ để bán sau đó bảo huỷ trên phần mềm nghiệp vụ, Nguyễn Ngọc T đã bán bảo hiểm vật chất xe ô tô cho nhiều khách hàng, đã thu phí nhưng không nhập phần mềm nghiệp vụ bảo hiểm và không nộp tiền về Công ty mà chiếm đoạt, sử dụng mục đích cá nhân, cụ thể:

Ngày 08/8/2021, Nguyễn Ngọc T bán bảo hiểm vật chất xe ô tô biển kiểm soát 11A- 049.44 cho ông Phạm Thanh G, sinh năm 1963, trú tại tổ A, phường H, thành phố C với số tiền ghi trên ấn chỉ bảo hiểm là 5.000.000đ;

Ngày 21/8/2021, bán bảo hiểm vật chất xe ô tô biển kiểm soát 11A- 041.38 cho Lục Văn H1, sinh năm 1986, trú tại tổ A, phường S, thành phố C, số tiền ghi trên ấn chỉ bảo hiểm là 7.200.000đ;

Ngày 06/9/2021, bán bảo hiểm vật chất xe ô tô biển kiểm soát 11A -054.81 cho Hoàng Thị T2, sinh năm 1973, trú tại phố T, xã Đ, huyện T với số tiền ghi trên ấn chỉ bảo hiểm là 6.600.000đ. Cùng ngày, T bán bảo hiểm vật chất xe ô tô biển kiểm soát 11A-047.79 cho ông Triệu Xuân H2, sinh năm 1984, trú tại tổ A, phường Đ, thành phố C, giá trị trên ấn chỉ bảo hiểm là 5.120.000đ;

Ngày 18/01/2022, bán bảo hiểm vật chất xe ô tô biển kiểm soát 30E-173.36 cho Lâm Ngọc N, sinh năm 1986, trú tại phường H, thành phố C, số tiền ghi trên ấn chỉ bảo hiểm là 6.400.000đ;

Ngày 05/5/2022, bán bảo hiểm vật chất xe ô tô biển kiểm soát 11A -065.06 cho Nguyễn Xuân H3, sinh năm 1964, trú tại tổ G, phường N, thành phố C, số tiền ghi trên ấn chỉ bảo hiểm là 6.120.000đ;

Ngày 23/5/2022, bán bảo hiểm vật chất xe ô tô biển kiểm soát 11C-050.18 cho ông Lã Văn K, sinh năm 1974, trú tại Đ, C, T, Cao Bằng, số tiền ghi trên ấn chỉ là 6.616.500đ;

Ngày 24/5/2022, bán bảo hiểm xe ô tô biển kiểm soát 11C-053.53 cho Đinh Thị Ngọc A, trú tại tổ E, phường N, thành phố C với số tiền ghi trên ấn chỉ bảo hiểm là 6.680.700đ;

Ngày 28/5/2022, Nguyễn Ngọc T nhờ Hoàng Thu T3 là đồng nghiệp của T tại Trung tâm K2 viết ấn chỉ bảo hiểm vật chất xe ô tô biển kiểm soát 11A-066.35 cho Ngô Văn C, sinh năm 1988, trú tại tổ E, phường S thành phố C (đứng tên chủ xe là Ma Kim D) với số tiền ghi trên ấn chỉ là 11.000.000đ.

Ngày 04/6/2022, Nguyễn Ngọc T tiếp tục nhờ T3 viết ấn chỉ bảo hiểm vật chất xe ô tô biển kiểm soát 30F-314.87 cho Trương Mạnh H4, sinh năm 1980, trú tại phường S, thành phố C với số tiền là 6.000.000đ. Sau khi nhờ T3 viết ấn chỉ, T

chụp ảnh gửi qua zalo cho khách và nhận tiền từ khách hàng đầy đủ nhưng sau đó bảo huỷ trên phần mềm nghiệp vụ, thể hiện việc khách không mua nữa để tránh sự phát hiện của công ty.

Ngày 20/8/2022, bán bảo hiểm vật chất xe ô tô biển kiểm soát 11A-011.17 cho Lê Chí K1, trú tại tổ D, phường S, thành phố C với số tiền là 5.000.000đ;

Ngày 08/9/2022, bán bảo hiểm vật chất xe ô tô biển kiểm soát 11A-076.97 cho Bé Thị H5, trú tại Phố G, thị trấn N, H, Cao Bằng với số tiền ghi trên ấn chỉ là 8.000.000đ;

Trong ngày 25/10/2022, Nguyễn Ngọc T nhờ Đỗ Thị Ánh T4 là đồng nghiệp của T tại Trung tâm K2 ghi ấn chỉ bảo hiểm vật chất xe ô tô biển kiểm soát 11A-018.28 cho Hà Hoàng L, sinh năm 1991, trú tại tổ E, thị trấn T, T, Cao Bằng với số tiền 5.000.000đ (xe đứng tên Phạm Thị Minh H6) và xe ô tô biển kiểm soát 11A-057.57 cho Nông Thanh H7, sinh năm 1987, trú tại tổ B, thị trấn T, T, Cao Bằng với số tiền là 5.340.000đ.

Trong tháng 12/2022, Nguyễn Ngọc T tiếp tục nhờ T4 viết ấn chỉ bảo hiểm vật chất xe ô tô biển kiểm soát 11A-076.49 cho Nguyễn Hữu C1, sinh năm 1991, trú tại tổ A, phường S, thành phố C (đứng tên chủ xe là Hoàng Anh T5) với số tiền là 8.160.000đ và xe ô tô biển kiểm soát 11A- 065.27 cho ông Trần Đình H8, sinh năm 1967, trú tại tổ E, phường Đ, thành phố C (xe đứng tên Công ty TNHH T7) với số tiền ghi trên ấn chỉ là 11.883.400đ. Tất cả những ấn chỉ này, sau khi T5 thu được tiền từ khách hàng đều báo với T4 là khách hàng không mua nữa và báo huỷ trên phần mềm nghiệp vụ.

Đến tháng 02/2023, Nguyễn Ngọc T nhờ Hà Thị H9, là đồng nghiệp với T tại Trung tâm K2 ghi ấn chỉ bảo hiểm vật chất xe ô tô biển kiểm soát 20C- 151.51 đứng tên Trần Đình H10 với số tiền 7.000.000đ. Sau khi viết ấn chỉ cho khách được một thời gian không thấy T nộp phí về Công ty, cũng không thấy trả lại ấn chỉ hoặc báo huỷ nên H9 đã báo cáo lại việc này cho Công ty để xử lý.

Tổng số tiền sau khi T bán 17 ấn chỉ bảo hiểm nêu trên là 117.119.600đ. Tháng 3/2023, Công ty B2 tiến hành thu đảo ấn chỉ và đối chiếu công nợ với các xưởng sửa chữa trên địa bàn tỉnh Cao Bằng thì phát hiện sai phạm của T, đến tháng 5/2023, Nguyễn Ngọc T nghỉ việc.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2024/HSST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Tham ô tài sản”.

Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, buộc nghĩa vụ chịu án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/7/2024, bị cáo Nguyễn Ngọc T có đơn kháng cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Ngọc T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị cáo trình bày: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã mô tả. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng số tiền thực tế bị cáo chiếm đoạt không như cấp sơ thẩm quy kết. Bởi vì, theo quy định khi khách hàng mua bảo hiểm thì được trích lại khoảng 15%, nên số tiền thực tế bị cáo chiếm đoạt sẽ thấp hơn, nhưng bị cáo cũng không khẳng định được cụ thể là bao nhiêu; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên đã xử phạt bị cáo mức án như bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không xuất trình thêm được chứng cứ, tài liệu gì mới làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt, nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Ngọc T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm mô tả là đúng, nhưng bị cáo cho rằng số tiền chiếm đoạt ít hơn bản án sơ thẩm quy kết. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, thấy phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với kết quả xét xử tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Ngọc T là nhân viên của Công ty Cổ phần B3; trong thời gian từ năm 2021 đến năm 2022, bị cáo đã lợi dụng nhiệm vụ được giao bán bảo hiểm vật chất xe ô tô cho các khách hàng để thu tiền, nhưng không nhập phần mềm nghiệp vụ bảo hiểm và không nộp tiền phí bảo hiểm về Công ty theo quy định mà chiếm đoạt chi tiêu cá nhân. Tổng số ấn chỉ bảo hiểm Nguyễn Ngọc T đã bán là 17 ấn chỉ với tổng giá trị là 117.119.600đ. Sau khi Công ty phát hiện sai phạm, Nguyễn Ngọc T đã tự ý nghỉ việc. Hành vi đó của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tham

ô tài sản”; Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo với tội danh nêu trên theo quy định tại Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, không oan.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội; hành vi đó đã xâm phạm đến tài sản của doanh nghiệp, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến chính sách đúng đắn của hoạt động bảo hiểm; làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, danh dự của Tổng Công ty Cổ phần B nói riêng và các doanh nghiệp bảo hiểm nói chung. Bị cáo cho rằng số tiền bị cáo chiếm đoạt ít hơn số tiền bản án sơ thẩm quy kết nhưng không chứng minh được; căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của phía bị hại thì đủ căn cứ khẳng định số tiền bị cáo chiếm đoạt là 117.119.600đ, nên thiệt hại được xác định là trên 100.000.000đ nhưng dưới 500.000.000đ và bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, nên cấp sơ thẩm quy kết, xét xử bị cáo theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc T, Hội đồng xét xử thấy: Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét đến bị cáo không có tiền tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo cùng với gia đình đã khắc phục toàn bộ hậu quả cho Công ty B2, được Tổng Công ty B4 có công văn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, không cao; tại cấp phúc thẩm bị cáo không xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên mức hình phạt đối với cả hai bị cáo là có căn cứ.

[5] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc T; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2024/HSST ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng; tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Tham ô tài sản”;

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Cao Bằng (02 bản);
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan THA HS, Công an tỉnh Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm